TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2023/HC-PT
Ngày 02 - 3 - 2023
V/v Yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại và Kết luận tố cáo

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Tiến

Ông Võ Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Song Lê - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 386/2022/TLPT-HC ngày 26 tháng 9 năm 2022, về *"Yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại và Kết luận tố cáo"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1061/2023/QĐPT-HC ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **NVD**, sinh năm 1964 và bà **NTT**, sinh năm 1964; cùng địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: **Ông H** và bà **NTH1**; địa chỉ: Công ty Luật TNHH T, số 34 ngõ 187 T, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà **NTMN** và bà **NTL** - Luật sư Công ty Luật TNHH T thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 34 ngõ 187 T, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. (có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông P - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện Yên Phong.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NVH2 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **NVN** () và bà **NTT2**; cùng địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T2, anh N: Ông TVP - Luật sư Công ty luật TNHH A thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện ông NVD, bà NTT và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Gia đình ông D, bà T hiện đang sử dụng thửa đất số 97, tờ bản đồ số 21, diện tích 400m^2 (theo bản đồ địa chính năm 2003) tại thôn N, xã L, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Nguồn gốc thửa đất nêu trên là do cha ông để lại và đã được gia đình ông D, bà T tiếp quản, sử dụng từ năm 1982. Lối đi vào thửa đất là một sườn đất, tính từ trục đường chính của thôn N, xã L đi vào thì bên phải sườn đất là ao, còn bên trái là đất nhà ông NVB, bà NTT2.

Khoảng đầu năm 1990, gia đình bà NTT2 đã xây tường bao và cổng, khiến cho lối đi nêu trên bị thu hẹp, chỉ còn khoảng 0,5m, không đủ để đi lại. Vì vậy, ông D, bà T đã tôn tạo, mở rộng diện tích được như hiện nay (theo kết quả đo đạc của xã phần đất này có chiều dài 17,5m và rộng trung bình 3,7m) và tiếp tục được gia đình ông D, bà T sử dụng làm lối đi ra đường trục chính của thôn N, xã L. Sau đó, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã L, huyện Yên Phong tiến hành bán đất ao cho các hộ dân nên để bảo vệ tài sản của gia đình thì vào năm 2000, ông D, bà T đã xây tường bao quanh và cổng kiên cố trên phần đất tôn tạo. Kể từ đó cho đến đầu năm 2020 gia đình ông D, bà T sinh sống, sử dụng ổn định, liên tục toàn bộ thửa đất, bao gồm cả phần đất tôn tạo mà không có tranh chấp, khiếu kiện với bất kỳ ai và các cấp chính quyền cũng không có ý kiến gì.

Hồ sơ địa chính và bản đồ địa chính của UBND xã L, huyện Yên Phong cũng đã ghi nhận phần đất tôn tạo là một phần của thửa đất số 97 tờ bản đồ số 21, với tổng diện tích 400m^2 đất ở nông thôn (ONT), mang tên chủ sử dụng đất là NVD.

Ngày 30/6/2020, ông NVN (tên gọi khác NVN) đã tố cáo gia đình ông D, bà T lấn chiếm, xây dựng cổng, cửa, bắn mái tôn và tường rào trên ngõ đi chung của thôn N, xã L, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 09/12/2020, Chủ tịch UBND xã L, huyện Yên Phong đã ban hành Kết luận số 05/KL-UBND (viết tắt là Kết luận số 05) kết luận nội dung tố cáo đối với gia đình ông D, bà T với nội dung:

- "*Đoạn đường dài 17,5 m rộng trung bình 3,7 m tính từ đường trục thôn N, giáp với đất nhà bà T2 và anh N là đất ngõ. Gia đình ông D đã lấn chiếm xây dựng cổng, tường bao, mái tôn trên đất ngõ. Vì vậy, việc công dân tố cáo gia đình ông lấn chiếm xây dựng cổng, cửa, bắn mái tôn và tường bao trên ngõ đi chung của thôn N - L là đúng*."

- Kiến nghị: "*UBND xã L tiến hành lập biên bản vi phạm, ra quyết định xử phạt hành chính đối với hành vi lấn chiếm đất giao thông đối với gia đình ông NVD. Yêu cầu gia đình ông NVD tự động tháo dỡ cổng, tường rào, mái tôn trên đất ngõ*".

Không đồng ý với Kết luận số 05 nêu trên, ngày 06/02/2021 ông bà đã có đơn khiếu nại và ngày 27/07/2021 ông bà nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5274/QĐ-UBND ngày 23/07/2021 của Chủ tịch UBND huyện Yên Phong (viết tắt là Quyết định số 5274), theo đó Chủ tịch UBND huyện Yên Phong quyết định như sau:

"Ông NVD, bà NTT khiếu nại kết luận số 05/KL-UBND ngày 09/12/2020 của UBND xã L kết luận nội dung tố cáo đối với gia đình ông NVD, bà NTT là không có căn cứ.

Giữ nguyên kết luận số 05/KL-UBND ngày 09/12/2020 của UBND xã L kết luận nội dung tố cáo đối với gia đình ông NVD, bà NTT. Yêu cầu Chủ tịch UBND xã L tổ chức tuyên truyền, vận động gia đình ông D (T) tự giác tháo dỡ phần trụ cổng, cánh cổng, cột, kèo, mái tôn và tường bao trên đất lối đi của tập thể. Nếu gia đình ông D (T) không thực hiện, Chủ tịch UBND xã L xây dựng kế hoạch và tổ chức cưỡng chế theo quy định, thời gian xong trước ngày 30 tháng 08 năm 2021".

Ông bà cho rằng Kết luận số 05 của Chủ tịch UBND xã L và Quyết định số 5274 của Chủ tịch UBND huyện Yên Phong nêu trên đều không có căn cứ và trái pháp luật, đã xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà với lý do cụ thể như sau:

1. Phần đất tôn tạo đã được gia đình ông bà sử dụng ổn định và liên tục từ trước ngày 15/10/1993. Tại Kết luận số 05 cũng có nội dung: "*Ông Nguyễn Văn Trọng (chi hội trưởng Cựu chiến binh thôn) ý kiến khu đất trên nguồn gốc là bờ ruộng, gia đình ông D có công tân tạo làm đường đi từ nhiều năm nay*".

Theo hồ sơ, bản đồ địa chính của xã L các năm 2003 và 2004, cũng như Bản đồ quy hoạch sử dụng đất xã L đến năm 2020 thì Phần đất tôn tạo này cũng đã được thể hiện là một phần (không tách rời) của thửa đất số 97, tờ bản đồ số 21, với tổng diện tích 400m^2 đất ở nông thôn (ONT), mang tên chủ sử dụng đất là NVD.

Do đó, theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 và Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì Phần đất tôn tạo là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông bà, có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ), nên gia đình ông bà xây dựng cổng, tường bao, mái tôn trên Phần đất tôn tạo (thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông bà) cũng là đúng pháp luật.

2. Tại Kết luận số 05 có nêu ý kiến của ông Nguyễn Văn Thinh (Nguyên Bí thư chi bộ thôn N), ông Nguyễn Văn Luyện (trưởng thôn) cho rằng khu vực trên là ngõ đi chung. Ông Nguyễn Mạnh Hà (Bí thư chi bộ thôn) ý kiến là: *"Đã từng giải quyết tranh chấp khu đất trên giữa gia đình bà T2 và ông D đã thống nhất khu đất trên là ngõ"*. Ông bà cho rằng các ý kiến này đều không đúng sự thật, bởi vì:

- Ngoài các căn cứ đã nêu tại Mục 1 nêu trên, thì thực tế chỉ có gia đình ông bà là người tôn tạo và sử dụng phần đất tôn tạo. Ngoài ra không còn bất kỳ hộ gia đình, cá nhân nào sử dụng phần đất này. Do đó, phần đất này không thể được coi là lối đi hay ngõ đi chung.

- Gia đình ông bà và gia đình bà T2 chưa bao giờ thỏa thuận, "*đã thống nhất khu đất trên là ngõ"* như ý kiến của ông Nguyễn Mạnh Hà. UBND xã L và ông Nguyễn Mạnh Hà cũng không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho những ý kiến sai trái nêu trên của ông Nguyễn Mạnh Hà là có căn cứ.

Như vậy, Kết luận số 05 cho rằng Phần đất tôn tạo là *"đất ngõ. Gia đình ông D đã lấn chiếm xây dựng cổng, tường bao, mái tôn trên đất ngõ; "..đã có hành vi vi phạm điểm a, khoản 5 Điều 12 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt";* yêu cầu gia đình ông bà phải *"tự động tháo dỡ cổng, tường rào, mái tôn trên đất ngõ"* là không có căn cứ và trái pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến các quyền lợi hợp pháp của gia đình ông bà.

3. Tại Quyết định số 5274, kết quả thẩm tra, xác minh của tổ công tác có nội dung như sau: *"Năm 2008, hộ ông NVB (Thơ) xây dựng nhà trần và có mở cửa lách ra lối đi do gia đình ông D (T) tân tạo (lối đi hiện đang tranh chấp). Từ năm 2008 đến trước ngày 03/06/2020 UBND xã L không nhận được đơn tố cáo, đề nghị, khiếu nại liên quan đến lối đi trên, đến ngày 03/6/2020 công dân thôn N có đơn tố cáo gia đình ông D (T) có hành vi lấn chiếm lối đi chung của tập thể và ngày 09/12/2020 UBND xã L đã ra kết luận số 05 nêu trên, kết luận khẳng định phần đất lối đi này là lối đi chung của tập thể thôn N, xã L"*. Tuy nhiên, trên thực tế phải đến khoảng năm 2015, gia đình ông B (T2) mới làm cửa hướng ra Phần đất tôn tạo của gia đình ông bà, mặc dù làm cửa nhưng gia đình ông B (T2) chưa bao giờ đi lối đi này bởi vì lối đi này là của gia đình ông bà. Mặt khác như ông bà đã trình bày tại mục 1 và mục 2 thì các hồ sơ kỹ thuật thửa đất, bản đồ địa chính, bản đồ quy hoạch thì Phần đất tôn tạo là một phần đất

không tách rời của thửa đất số 97, tờ bản đồ số 21, với tổng diện tích 400m^2 đất ở nông thôn (ONT) và trên thực tế từ trước đến nay chỉ có gia đình ông bà là người tôn tạo và sử dụng phần diện tích đất này. Ngoài ra không còn bất kỳ hộ gia đình, cá nhân nào sử dụng phần đất này. Do đó, phần đất này không thể là lối đi hay ngõ đi chung của tập thể mà là phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông bà.

Như vậy, có thể thấy Kết luận số 05 của UBND xã L là trái quy định pháp luật, thế nhưng Chủ tịch UBND huyện Yên Phong vẫn dựa vào nội dung này và kết luận giữ nguyên Kết luận số 05, yêu cầu gia đình ông bà phải tháo dỡ những công trình trên thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông bà. Điều này là không khách quan và trái quy định pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông bà.

4. Mặt khác, giả sử nếu gia đình ông bà có vi phạm thì đến thời điểm hiện tại cũng đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, Kết luận số 05 của UBND xã L và việc UBND huyện Yên Phong giữ nguyên Kết luận số 05 của UBND xã L với kiến nghị: UBND xã L tiến hành lập biên bản vi phạm và ra quyết định xử phạt vi phạm đối với gia đình ông bà là không đúng quy định tại Điều 6 và Khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Do đó ông bà yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh tuyên:

- Hủy Kết luận nội dung tố cáo số 05/KL-UBND ngày 09/12/2020 của Chủ tịch UBND xã L, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5274/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông NVD (T) - công dân thôn N, xã L, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;

- Công nhận phần đất có chiều rộng trung bình 3,7 m và dài 17,5m (theo như kết quả đo đạc của UBND xã L) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông bà Doanh, Thoa;

- Buộc UBND xã L, UBND huyện Yên Phong thực hiện các thủ tục cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho gia đình ông D bà T đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 21, diện tích 400m^2 tại thôn N, xã L, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện UBND xã L, huyện Yên Phong trình bày:

Công dân thôn N, xã L có làm đơn tố cáo gia đình ông D, bà T lấn chiếm, xây cổng, bắn mái tôn trên phần đất ngõ đi chung. Quá trình thụ lý đơn tố cáo, UBND xã L đã trả lời công dân bằng kết luận số 05. Về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo được UBND xã L thực hiện đúng quy định pháp luật.

Trong kết luận có trả lời việc tố cáo của công dân là đúng, gia đình ông D bà T đã xây cổng, tường bao và bắn mái tôn trên phần đất ngõ. Gia đình ông D

đã lấn chiếm đất giao thông, vi phạm khoản 01 điều 12 Luật Đất đai năm 2013. Gia đình ông D đã có hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 12 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Qua quá trình làm việc, xác minh và ý kiến của bà T thì khu đất trên là đường giao thông, đã được gia đình bà T (D) nhiều lần tân tạo, tuy nhiên gia đình bà T2, anh N giáp với đất bà T (D) vẫn trổ cửa sang phần đất trên và đi lại nhiều năm nay. Gần đây do xảy ra mâu thuẫn nên gia đình bà T (D) không cho nhà anh ký đi lại trên phần đất trên. Vì vậy ông D, bà T yêu cầu hủy Kết luận số 05 về việc trả lời đơn của công dân thôn N, xã L, huyện Yên Phong là không có căn cứ. UBND xã L đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện UBND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh trình bày:

Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại của ông NVD (T) đối với Kết luận số 05, UBND huyện Yên Phong đã tiến hành thực hiện giải quyết đơn theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Ngày 29/4/2021, Phòng Tài nguyên và Môi trường có buổi làm việc với đại diện lãnh đạo UBND xã L, lãnh đạo thôn N và công dân thống nhất nội dung đơn.

- Ngày 18/5/2021, UBND huyện có Thông báo số 70a/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu; ngày 18/5/2021, UBND huyện có Quyết định số 4304a/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại.

- Các ngày 24/6/2021, 28/6/2021, 22/7/2021 Tổ xác minh thành lập theo Quyết định số 4304a/QĐ-UBND nêu trên của huyện đã tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại.

- Ngày 22/7/2021, Tổ công tác có Văn bản số 35/BC-TNMT báo cáo Kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông NVD (T) thôn N, xã L về kkiếu nại Kết luận số 05 của UBND xã L.

- Ngày 23/7/2021, UBND huyện Yên Phong ban hành Quyết định số 5274 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông NVD (T) - công dân thôn N, xã L.

Việc Chủ tịch UBND xã L ban hành Quyết định thụ lý tố cáo; xác minh nội dung tố cáo cũng như ban hành Kết luận nội dung tố cáo đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và nội dung theo quy định của các Điều 11, Điều 23 và Điều 31 Luật Tố cáo năm 2018 và Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.

Việc UBND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh tiếp nhận đơn khiếu nại, thụ lý khiếu nại, xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại, ra quyết định giải quyết khiếu nại đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và nội dung theo quy định của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày

19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

Việc cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông D bà T đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 21 tại thôn N, xã L, huyện Yên Phong được thực hiện theo quy định Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

UBND huyện Yên Phong đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh bác các yêu cầu khởi kiện của ông D và bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính; các Điều 18, 27, 28 và Điều 29 Luật Khiếu nại; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D và bà T, cụ thể:

- Bác yêu cầu Hủy Kết luận nội dung tố cáo số 05/KL-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch UBND xã L, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 23/07/2021 của Chủ tịch UBND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông NVD (T) - công dân thôn N, xã L, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

- Bác yêu cầu Công nhận phần đất có chiều rộng trung bình 3,7m và dài 17,5m (theo như kết quả đo đạc của UBND xã L) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông D bà T.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/8/2022 người khởi kiện là ông NVD và bà NTT có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông NVD và bà NTT đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận một phần kháng cáo của ông NVD, bà NTT, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 06/8/2022, ông NVD và bà NTT là người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Đơn kháng cáo của người khởi kiện gửi trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 5274 ngày 23/07/2021 của Chủ tịch UBND huyện Yên Phong và Kết luận số 05 ngày 09/12/2020 của Chủ tịch UBND xã L là các Quyết định hành chính được ban hành trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính;

Về thời hiệu khởi kiện, đối tượng khởi kiện: Ông D, bà T làm đơn khởi kiện ngày 06/08/2021 đối với Quyết định số 5274 ngày 23/07/2021 của Chủ tịch UBND huyện Yên Phong. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, đơn khởi kiện nằm trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Kết luận số 05 ngày 09/12/2020 của Chủ tịch UBND xã L là văn bản liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện nên Tòa án có trách nhiệm xem xét trong vụ án này. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Kết luận số 05 ngày 09/12/2020 của Chủ tịch UBND xã L là quyết định hành chính bị khởi kiện là chưa phù hợp với khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và kháng cáo ông NVD và bà NTT đối với Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh và Kết luận số 05/KL-UBND ngày 09/12/2020 của Chủ tịch UBND xã L, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Về thẩm quyền: Quyết định giải quyết khiếu nại số 5274/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Yên Phong ban hành là quyết định hành chính trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại về quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật đất đai năm 2013.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án xác định: Nguồn gốc đất của hộ ông NVD là do bố mẹ ông giao cho sử dụng từ năm 1982 đến nay có diện tích 331,5m^2. Khi hộ gia đình ông D đến ở, gia đình bà T2 đã đến ở trước đó trên thửa đất phía ngoài, giáp đường trục chính cạnh nhà ông D, bà T. Từ thời điểm năm 1983, 1984 đến nay, thửa đất hộ ông D có lối đi duy nhất ra trục chính của thôn N là bờ ao, nhỏ hẹp, phía Tây

giáp đất hộ ông bà B (T2) và phía Đông giáp ao của HTX. Sau đó do bờ ao sạt lở nên lối đi vào thửa đất của hộ ông D còn khoảng 0,5m. Để thuận lợi cho việc đi lại, hộ ông D đã nhiều lần đắp đất, mở rộng lối đi (về phía ao) nên có diện tích đất ngõ như ngày nay là 68,5m^2 (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, BL 336, 339, 340). Năm 1998, hộ ông D đã kè về phía ao để chống sạt lở, đến năm 2000 xây trụ cổng, năm 2010 cắm cọc kẽm, bắn mái tôn và sử dụng liên tục từ đó không có tranh chấp với ai.

Thời điểm tranh chấp và quá trình giải quyết tranh chấp: Ông D, bà T trình bày năm 2015, 2016 gia đình bà T2, anh N xin mở cửa lách sang phần đất ngõ mà hộ ông D, bà T đang sử dụng nhưng thực tế gia đình bà T2, anh N không mở cửa đi sang bao giờ vì không có bậc lên xuống (từ mép cửa xuống mặt ngõ cao khoảng 70cm), bên cạnh đó gia đình bà T2 đang sử dụng diện tích đất có mặt tiền hướng ra đường trục chính của thôn N và gia đình bà T2, anh N đã đi trực tiếp ra đường trục chính của thôn N từ rất lâu không đi sang ngõ nhà ông D, bà T lần nào. Nay bà T2, anh N cho rằng đó là ngõ đi chung và yêu cầu không cho ông D sử dụng là ngõ đi riêng. Việc UBND xã L đã ban hành Kết luận số 05 xác định gia đình ông D, bà T xây dựng các công trình trên đất công là ngõ đi chung của các hộ gia đình có đoạn đường dài 17,5m, rộng trung bình 3,7m giáp với đất nhà bà T2, anh N và cho rằng gia đình ông D, bà T đã lấn chiếm xây dựng cổng, tường bao, mái tôn trên đất ngõ đi chung của thôn N, xã L là không có cơ sở. Từ đó UBND xã L đã yêu cầu buộc gia đình ông D, bà T phải tháo dỡ cổng, cột kèo, mái lợp trên phần đất này đồng thời kiến nghị đề xuất lập biên bản vi phạm, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là không đảm bảo quyền về lối đi qua theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông D, bà T, bởi lẽ:

Tại trích lục Tờ bản đồ số 21 lập năm 2003 và Trích lục Bản đồ quy hoạch sử dụng đất xã L đến năm 2020 có chứng thực của UBND xã L ngày 20/01/2021, bản photo sổ mục kê có trong hồ sơ vụ án thể hiện: diện tích đất gồm cả phần ngõ đi (phần đất có chiều rộng trung bình 3,7m, dài 17,5m) gia đình ông D, bà T đang sử dụng gồm một thửa số 97, diện tích 400m^2, loại đất ONT mang tên ông NVD. Nội dung này cũng phù hợp với Biên bản xác nhận ranh gới mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng do UBND xã L lập ngày 24/10/2003, có chữ ký xác nhận của bà NTT2 và các hộ dân tiếp giáp với đất của hộ ông NVD.

Các tài liệu do ông D công khai cung cấp bổ sung tại phiên tòa hôm nay thể hiện việc ông D đã thuê thợ xây trụ, hàn cổng sắt trong thời gian từ những năm 2000 đến 2005. Như vậy, có đủ căn cứ xác định phần ngõ đi này thuộc một phần trong thửa số 97, diện tích 400m^2 (trong đó đất ở 331,5m^2, đất ngõ là 68,5m^2), loại đất ONT mang tên ông NVD.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên thấy việc Chủ tịch UBND xã L ban hành Kết luận nội dung tố cáo số 05/KL-UBND ngày 09/12/2020 và Chủ tịch

UBND huyện Yên Phong ban hành Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 về việc giải quyết khiếu nại là chưa đúng thực tế sử dụng đất tại địa phương và chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp của hộ ông D, bà T.

Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã bác yêu cầu khởi kiện của ông D, bà T về yêu cầu hủy Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 và Kết luận nội dung tố cáo số 05/KL-UBND ngày 09/12/2020 là không phù hợp quy định của pháp luật.

Riêng việc ông D, bà T kháng cáo yêu cầu Tòa án Công nhận phần đất có chiều rộng trung bình 3,7m và dài 17,5m (theo như kết quả đo đạc của UBND xã L) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông D bà T và buộc UBND xã L, UBND huyện Yên Phong và các cơ quan có thẩm quyền khác thực hiện các thủ tục cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là nội dung không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, đây là thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND xã L và UBND huyện Yên Phong, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu này của ông D, bà T là đúng quy định của pháp luật. Ông D, bà T có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thủ tục hành chính và nộp hồ sơ cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 21, với tổng diện tích 400m^2 đất ở nông thôn (ONT), mang tên chủ sử dụng đất là NVD tại thôn N, xã L, huyện Yên Phong theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Do đó, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông D, bà T. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh theo hướng hủy Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 23/07/2021 của Chủ tịch UBND huyện Yên Phong và Kết luận nội dung tố cáo số 05/KL-UBND ngày 09/12/2020 của Chủ tịch UBND xã L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do kháng cáo được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, ông D, bà T xin chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ như bản án sơ thẩm đã tuyên là 5.000.000đ, không yêu cầu phía người bị kiện phải chịu, cần ghi nhận sự tự nguyện này.

[4] Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông D, bà T xin chịu toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm, không yêu cầu phía người bị kiện phải chịu, cần ghi nhận sự tự nguyện này.

Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông D, bà T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính. Chấp nhận kháng cáo của ông NVD và bà NTT. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Áp dụng Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính; các Điều 18, 27, 28, 29 Luật Khiếu nại; Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Điều 32, Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông NVD và bà NTT, cụ thể là:

Hủy Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông NVD (T) - công dân thôn N, xã L, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Hủy Kết luận nội dung tố cáo số 05/KL-UBND ngày 09/12/2020 của Chủ tịch UBND xã L, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Ông D, bà T có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thủ tục hành chính và nộp hồ sơ cấp GCNQSDĐ theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận ông D, bà T xin chịu 5.000.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác nhận ông D, bà T đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Ghi nhận ông D, Thoa xin chịu toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm. Xác nhận ông D, bà T đã nộp đủ số tiền án phí 600.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000010 ngày 05/10/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông D, bà T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn lại cho ông D, bà T số tiền 600.000đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0000211 ngày 09/8/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Minh